

Số: **101/2022/HS-ST**

Ngày 09/12/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Trọng Danh**

Thẩm phán: Ông **Phan Vĩnh Chuyên**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đặng Thị Liễu**

Bà **Phan Thị Thuận Nhi**

Bà **Võ Thị Yến Lan**

Thư ký phiên tòa: Ông **Từ Văn Hoàng Linh** - Thư ký Toà án nhân dân Tp. Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 100/2022/TLST-HS ngày 06 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2022/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

TRƯƠNG DUY V, sinh ngày xx/x/19xx tại tỉnh Quảng Nam; Nơi cư trú: Kxx/x Hải Phòng, phường C1, quận C, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Quang M và bà Nguyễn Thị Y (đều còn sống); có vợ là Lê Thị Hồng H (đã ly hôn) và 03 con, con lớn nhất sinh năm 20xx, con nhỏ nhất sinh năm 20xx; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/5/2022, hiện đang bị tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo Trương Duy V:* Luật sư **Nguyễn Tấn B** – Công ty luật TNHH MTV Tấn Nguyễn, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng.

* *Bị hại:*

1/ Ông **Phạm Ngọc T** sinh năm 19xx và bà **Hồ Hồng T** sinh năm 19xx; Cùng cư trú tại: xx/x Nguyễn Thị Minh Khai, phường C1, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2/ Ông **Huỳnh Ngọc T1**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: xx Ngô Gia Tự, phường C1, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà **Lê Thị Hồng H**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: xx Huỳnh Tấn Phát, phường CB, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

2/ **Ngân hàng TMCP XX – chi nhánh Đà Nẵng**; Địa chỉ: xxx-xxx Nguyễn Văn Linh, phường VT, quận K, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3/ Ông **Tạ Hoàng H1**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: xx Võ Văn Tần, phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

4/ Ông **Lê Xuân Q**, sinh năm 19xx và bà **Thái Thị Hồng D** sinh năm 19xx; Cùng trú tại: xx Huỳnh Tấn Phát, phường CB, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

5/ Ông **Nguyễn Thanh G**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: Kxxx/xxx Ông Ích Khiêm, Đà Nẵng. Vắng mặt.

** Người làm chứng:* Ông **Hoàng Ngọc V**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: Kxx/xx Tô Ngọc Vân, phường VT, quận K, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ cuối tháng 6/2019 đến cuối tháng 7/2019, do cần tiền để trả nợ cá nhân nên Trương Duy V đã đưa ra thông tin gian dối để vay mượn tiền và bán đất để chiếm đoạt tiền, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng cuối tháng 6/2019, V hỏi vay tiền vợ chồng bà Hồ Hồng T và ông Phạm Ngọc T (cùng trú tại: xx/x Nguyễn Thị Minh Khai, phường C1, quận C, thành phố Đà Nẵng) để phục vụ việc kinh doanh hàng nhựa nội thất của gia đình. Tin lời V, ngày 28/6/2019, vợ chồng bà T đã cho V vay số tiền 500.000.000 đồng. Ngày 04/7/2019, V tiếp tục nói cần tiền kinh doanh để mượn thêm của vợ chồng bà T 500.000.000 đồng. V hứa 01 tháng sau sẽ trả tiền vay nhưng V không thực hiện lời hứa. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt, V dùng trả nợ cá nhân hết.

Lần thứ hai: Trương Duy V và bà Lê Thị Hồng H (sinh năm 19xx, trú tại: tổ xx, phường CB, quận C, thành phố Đà Nẵng, là vợ của V nhưng đã ly hôn ngày 31/5/2019) có tài sản chung là 03 lô đất có số thửa 84, 85 và 86 tờ bản đồ 1xx khu B2-19 Phước Lý, phường HM, quận L, thành phố Đà Nẵng, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 327xxx, CK 327xxx và CK 327xxx ngày 05/12/2017. Ngày 26/3/2019, V và bà H đã thế chấp 03 lô đất này cho Ngân hàng TMCP XX Đà Nẵng để vay 08 tỷ đồng. Khoảng giữa tháng 7/2019, Trương Duy V cần tiền trả nợ nên đưa thông tin cần bán 01 lô đất tại khu đô thị Phước Lý. Ông Hoàng Ngọc V (sinh năm 19xx, trú tại: Kxx/xx Tô Ngọc Vân, phường VT, quận K, thành phố Đà Nẵng) nghe vậy nên giới thiệu cho ông Huỳnh Ngọc T1 (sinh năm 19xx, trú tại: xx Ngô Gia Tự, phường C1, quận C, thành phố Đà Nẵng). Ông T1 và ông V gặp Trương

Duy V đề hỏi thì V cho biết thông tin về lô đất thuộc thửa số 85 tờ bản đồ 1xx khu B2-19 Phước Lý, V bán giá 3.400.000.000 đồng. Sau khi đi xem đất, ông T1 trả giá lô đất 3.000.000.000 đồng, V đồng ý bán. Ngày 22/7/2019, tại cửa hàng xe máy của ông T1 số 1xx Lê Đình Dương, thành phố Đà Nẵng, V viết giấy nhận cọc số tiền 01 tỷ đồng từ ông T1 để bán lô đất nêu trên, V giao cho ông T1 bản photo các loại giấy tờ: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 327xxx mang tên Trương Duy V và Lê Thị Hồng H, 01 CMND tên Trương Duy V, sổ hộ khẩu và giấy đăng ký kết hôn của V và bà H. V hẹn ông T1 ngày 02/8/2019 đến phòng công chứng làm thủ tục chuyển nhượng. Nhưng khoảng 03 ngày sau, V điện thoại cho ông T1 nói lô đất đã thế chấp và nói ông T1 đưa thêm tiền để V liên hệ ngân hàng lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông T1 không đồng ý. Đến ngày hẹn, V tắt máy điện thoại và bỏ đi khỏi nơi cư trú số 2xx Lê Duẩn, thành phố Đà Nẵng. V không cho bà H biết việc này. Số tiền chiếm đoạt của ông T1, V dùng trả nợ cá nhân hết.

Vật chứng tạm giữ:

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 327xxx mang tên Trương Duy V và Lê Thị Hồng H; 01 CMND mang tên Trương Duy V; sổ hộ khẩu; giấy đăng ký kết hôn của V và bà H (đều là bản photo);

- 01 giấy hợp đồng đặt cọc;

- 02 giấy mượn tiền ngày 28/6/2019 và ngày 04/7/2019.

* Tại Kết luận giám định số 108/GĐ-TL ngày 03/01/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận: chữ ký, chữ viết mang tên Trương Duy V dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN A” trên tài liệu cần giám định (hợp đồng đặt cọc) so với chữ ký, chữ viết của Trương Duy V trên tài liệu mẫu so sánh do cùng 01 người ký và viết ra.

* Tại Kết luận giám định số 70/GĐ-TL ngày 04/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận: chữ ký, chữ viết mang tên Trương Duy V trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 (giấy mượn tiền) so với chữ ký, chữ viết của Trương Duy V trên tài liệu mẫu so sánh do cùng 01 người ký và viết ra.

Tại Cáo trạng số 106/CT-VKS-P2 ngày 04 tháng 10 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Trương Duy V về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trương Duy V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật để sớm trở về với gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng giữ nguyên quan điểm đã truy tố tại bản Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trương Duy V mức án từ 09 năm đến 11 năm.

Về trách nhiệm dân sự, căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 589 Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử buộc Trương Duy V bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho ông Huỳnh Ngọc T1 và vợ chồng bà Hồ Hồng T, ông Phạm Ngọc T.

Về xử lý vật chứng, căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quy trữ tại hồ sơ vụ án các tài liệu đã thu giữ.

Quan điểm bào chữa của Luật sư Nguyễn Tấn B cho bị cáo Trương Duy V: Thống nhất với tội danh, điểm, khoản, điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo cũng như thống nhất về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị áp dụng. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng một mức án thấp, tạo điều kiện để bị cáo sớm trở về với gia đình, trở thành một công dân tốt, có ích cho xã hội.

Các bị hại có mặt tại phiên tòa đều đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Trương Duy V phải bồi thường toàn bộ tiền đã chiếm đoạt và đề nghị xử phạt bị cáo theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, Luật sư bào chữa và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Quá trình điều tra, xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, bị cáo Trương Duy V đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với lời khai của các bị hại, người liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thu thập trong quá trình điều tra. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Khoảng cuối tháng 6 và đầu tháng 7 năm 2019, do cần tiền để trả nợ cá nhân nên Trương Duy V đã đưa ra thông tin gian dối cần vay mượn tiền phục vụ việc kinh doanh hàng nhựa nội thất để chiếm đoạt của vợ chồng bà Hồ Hồng T, ông Phạm Ngọc T tổng số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Đến giữa tháng 7 năm 2019, mặc dù lô đất thuộc thửa số 85 tờ bản đồ 1xx khu B2-19 Phước Lý đã được V thế chấp cho ngân hàng TMCP XX Đà Nẵng nhưng V đưa ra thông tin gian dối cần bán lô đất này. Do có nhu cầu mua đất nên ông Huỳnh Ngọc T1 đã liên hệ gặp V và được V đưa đi xem đất, sau đó V giao cho ông T1 bản photo các loại giấy tờ gồm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trương Duy V và Lê Thị Hồng H, 01 CMND mang tên Trương Duy V, sổ hộ khẩu và giấy đăng ký kết hôn của V và bà H

để ông T1 tin tưởng và đặt cọc cho V số tiền 1.000.000 đồng (một tỷ đồng). Toàn bộ số tiền chiếm đoạt của các bị hại, V dùng trả nợ cá nhân hết.

Hành vi trên của bị cáo Trương Duy V đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất của vụ án, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của các bị hại, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội của địa phương. Bị cáo có đủ khả năng nhận thức được hành vi mình thực hiện là nguy hiểm cho xã hội nhưng để có tiền trả nợ cá nhân, bị cáo đã bất chấp sự trừng trị của pháp luật, chiếm đoạt của các bị hại số tiền lớn 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng). Do đó, đối với bị cáo cần phải xử lý nghiêm, đảm bảo tính răn đe của pháp luật, qua đó cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3.1]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trương Duy V đã 03 lần đưa ra thông tin gian dối và chiếm đoạt tiền của các bị hại, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên hành vi của bị cáo thuộc trường hợp Phạm tội từ 02 lần trở lên. Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự khi lượng hình đối với bị cáo.

[3.2]. Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trương Duy V có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã khai báo thành khẩn, thừa nhận hành vi phạm tội, tỏ ra ăn năn hối cải; bản thân bị cáo là người khuyết tật, đang nuôi 03 con nhỏ nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo đã tác động gia đình là ông Trương Quang M và bà Nguyễn Thị Y (là cha, mẹ của bị cáo) nộp khắc phục hậu quả số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Về quyết định hình phạt:

[4.1]. Căn cứ tính chất của vụ án, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như đã phân tích ở trên, Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo mức án tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo và để răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4.2] Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[4.3]. Do bị cáo không còn tài sản riêng, phải chịu trách nhiệm bồi thường số tiền lớn, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trương Duy V phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại, cụ thể như sau:

- Bồi thường cho vợ chồng bà Hồ Hồng T và ông Phạm Ngọc T số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

- Bồi thường cho ông Huỳnh Ngọc T1 số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

Tổng số tiền mà bị cáo Trương Duy V phải bồi thường là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng).

Bị cáo đã tác động gia đình nộp 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) khắc phục hậu quả theo Biên lai thu tiền số 0001912 ngày 16/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, cần tiếp tục quy trừ để đảm bảo thi hành án phần bồi thường dân sự. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp tổng số tiền 1.800.000.000 đồng (một tỷ, tám trăm triệu đồng).

[6]. Về xử lý vật chứng:

Đối với các giấy tờ, tài liệu gồm 01 giấy hợp đồng đặt cọc; 02 giấy mượn tiền ngày 28/6/2019 và ngày 04/7/2019; và bản photo các giấy tờ, tài liệu gồm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 327xxx mang tên Trương Duy V và Lê Thị Hồng H, 01 CMND mang tên Trương Duy V, sổ hộ khẩu, giấy đăng ký kết hôn của V và bà H; đây là các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, cần tiếp tục được lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

[7]. Những vấn đề khác liên quan đến vụ án:

- Đối với bà Lê Thị Hồng H cùng V đứng tên sở hữu 03 lô đất có số thửa 84, 85 và 86 tờ bản đồ 1xx khu B2-19 Phước Lý, phường HM, quận L, thành phố Đà Nẵng là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. V dùng bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy đăng ký kết hôn của V và bà H để thực hiện hành vi phạm tội nhưng bà H không biết việc này, cũng không được hưởng lợi gì từ số tiền V chiếm đoạt. Tại thời điểm V đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tiền của các bị hại thì V và bà H đã thuận tình ly hôn. Do đó, cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với bà H là có cơ sở nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với ông Hoàng Ngọc V là người giới thiệu cho ông Huỳnh Ngọc T1 mua đất của Trương Duy V, ông V không biết việc V đưa ra thông tin gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của ông T1 và cũng không được hưởng lợi gì từ số tiền V chiếm đoạt nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có cơ sở, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với ông Lê Xuân Q và bà Thái Thị Hồng D (là cha mẹ của bà Lê Thị Hồng H) đã thế chấp nhà, đất tại số xx Huỳnh Tấn Phát, phường CB, quận C, thành phố Đà Nẵng để vay 7.000.000.000 đồng (bảy tỷ đồng) tại Ngân hàng thương mại TNHH MTV XY Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng để V và bà H trả nợ Ngân hàng nhưng V và bà H không thực hiện như đã cam kết nên ông Q bà D đã có đơn tố cáo V đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đà Nẵng. Cơ quan CSĐT đã tiến hành xác minh và kết luận vụ việc không có dấu hiệu tội phạm và ra Quyết định không khởi tố vụ án số 14/CSĐT-VP ngày 21/01/2020. Vụ việc này đã được Tòa án nhân dân quận Thanh Khê giải quyết tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 02/2020/QĐST-KDTM ngày 12/5/2020. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét là có căn cứ.

- Đối với hành vi của Trương Duy V và bà Lê Thị Hồng H thỏa thuận với ông Nguyễn Thanh G để chuyển nhượng cho ông G 03 lô đất do V và bà H đứng tên (đất đã thế chấp tại Ngân hàng TMCP XX). Trước đây V và bà H có nợ ông G số tiền 2.300.000.000 đồng nên V và bà H đã viết giấy nhận cọc số tiền 2.300.000.000 đồng nhưng sau đó V và bà H không thực hiện việc chuyển nhượng. Vụ việc đã được Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử tại Bản án số 42/2020/DS-PT ngày 24/6/2020 nên Hội đồng xét xử không xem xét là có căn cứ.

[8]. Về án phí: Bị cáo Trương Duy V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

I. Tuyên bố: Bị cáo Trương Duy V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trương Duy V **09 (chín) năm tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 09/5/2022.

II. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Trương Duy V phải bồi thường cho vợ chồng bà Hồ Hồng T và ông Phạm Ngọc T số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) và bồi thường cho ông Huỳnh Ngọc T1 số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

Tổng số tiền mà bị cáo Trương Duy V phải bồi thường là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng); Gia đình bị cáo đã nộp thay số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), bị cáo còn phải bồi thường tiếp tổng số tiền 1.800.000.000 đồng (một tỷ, tám trăm triệu đồng).

Tiếp tục quy trừ số tiền 200.000.000 đồng ông Trương Quang M và bà Nguyễn Thị Y nộp theo Biên lai thu tiền số 0001912 ngày 16/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng để đảm bảo thi hành án phần bồi thường dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, những người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Trương Duy V không thực hiện nghĩa vụ bồi thường thì còn phải chịu thêm khoản lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

III. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Tuyên:

Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án:

- 01 giấy hợp đồng đặt cọc; 02 giấy mượn tiền ngày 28/6/2019 và ngày 04/7/2019;

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 327xxx mang tên Trương Duy V và Lê Thị Hồng H; 01 CMND mang tên Trương Duy V; sổ hộ khẩu; giấy đăng ký kết hôn của Trương Duy V và bà Lê Thị Hồng H (đều là bản photo);

IV. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Trương Duy V phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 66.000.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

V. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết) bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đà Nẵng;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV CATPĐN;
- Cơ quan THAHS – CATPĐN;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Trại tạm giam CATP Đà Nẵng;
- Sở tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Trọng Danh